

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 200/2018/DS-ST
Ngày: 20-11-2018
V/v: Tranh chấp hợp đồng góp hui
+ Hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Giao

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Ngọc Thơ
2. Ông Mai Hòa Phúc

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Hữu Phúc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Phương - Kiểm sát viên

Ngày 20 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 56/2018/TLST-DS ngày 22 tháng 3 năm 2018 về tranh chấp “Hợp đồng góp hui + Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 231/2018/QĐXX-DS ngày 15 tháng 10 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 156/2018/QĐST-DS ngày 31 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đặng Thị L, sinh năm 1956

Địa chỉ: Tổ X, ấp V, xã V, huyện C, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1985 (theo giấy ủy quyền ngày 11-5-2018); (có mặt)

Địa chỉ: Tổ X, ấp V, xã V, huyện C, tỉnh An Giang.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn H (K), sinh năm 1977 (vắng mặt)

Bà Vương Kim N, sinh năm 1980 (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ Y, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện, tờ tự khai, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày:**

Vào ngày 24-02-2017 Âm lịch, anh Nguyễn Văn H và chị Vương Kim N có vay của bà Đặng Thị L số tiền 20.000.000đ và ngày 25-02-2017 Âm lịch vay thêm 10.000.000đ, tổng cộng là 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng). Khi vay có làm biên nhận nợ và thời hạn vay là 1 tháng, hai bên thỏa thuận lãi suất vay là 5%/tháng. H và N có đóng lãi được 3 tháng là 4.500.000đ (Bốn triệu năm trăm ngàn đồng).

Ngoài ra, H và N có tham gia hội do bà L làm chủ hội, đã hốt hội nhưng chưa đóng hội chết đầy đủ. Ngày 24-02-2017 Âm lịch, bà L và anh H, chị N có kết sổ lại số tiền hội anh H, chị N còn nợ bà L là 230.000.000đ (Hai trăm ba mươi triệu đồng). Từ khi khởi kiện đến nay, anh H có trả được 3.000.000đ.

Bà L yêu cầu anh H và chị N phải trả cho bà số tiền tổng cộng là 260.000.000đ (hai trăm sáu mươi triệu đồng) và lãi suất theo quy định của pháp luật từ ngày 25-02-2017 Âm lịch cho đến khi xét xử đối với số tiền vay và từ ngày 24-02-2017 Âm lịch cho đến khi xét xử đối với số tiền nợ hội.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 06-7-2018, bị đơn anh Nguyễn Văn H trình bày:

Anh chị xác nhận có tham gia bốn phần hội trong hai dây hội 5.000.000đ/tháng do bà Đặng Thị L làm chủ hội. Anh chị đã hốt cả 4 phần hội và còn nợ bà L tiền hội chết sau khi kết sổ vào ngày 24-02-2017 Âm lịch là 230.000.000đ.

Ngoài ra anh H và chị N có vay của bà L 2 lần với tổng số tiền là 30.000.000đ, có làm giấy nhận nợ, anh H, chị N đều ký tên vào giấy nhận nợ, có thỏa thuận thời gian vay là 1 tháng, có thỏa thuận miệng lãi suất là 5%/tháng. Anh chị đã đóng lãi được 4 tháng nhưng không nhờ cụ thể bao nhiêu tiền.

Anh H xác nhận tên Nguyễn Văn K trong tờ nhận nợ là họ tên của anh, vì tên thường gọi của anh H là K.

Do hoàn cảnh gia đình hiện đang khó khăn, anh H xin bà L được trả dần và xin được không tính lãi suất.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.
- Bị đơn anh H vắng mặt không có văn bản trình bày bổ sung ý kiến.
- Chị N vắng mặt, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Bà Đặng Thị L có đơn khởi kiện về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, hợp đồng góp hụi và yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Châu Thành là Tòa án nơi cư trú của bị đơn giải quyết, theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

Đồng bị đơn anh Nguyễn Văn H và chị Vương Kim N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[2] Về tranh chấp hợp đồng vay tài sản:

Hợp đồng vay tài sản giữa bà Đặng Thị L và anh Nguyễn Văn H, chị Vương Kim N trên thực tế đã có phát sinh, sự việc được chứng minh qua lời trình bày của các đương sự, giấy nhận nợ ngày 24-02-2017 (Âm lịch) và ngày 25-02-2017 (Âm lịch), do anh H viết, có chữ ký tên và ghi họ tên xác nhận nợ của anh H, chị N. Anh H cũng xác nhận, tên Nguyễn Văn K trong tờ nhận nợ là tên của anh vì anh có tên thường gọi là K. Hợp đồng vay tài sản giữa bà L, anh H và chị N là đúng quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội phù hợp với Điều 463 của Bộ luật dân sự.

Xét về mối quan hệ tranh chấp trên, hội đồng xét xử nhận thấy: Các đương sự cũng thống nhất số tiền vốn vay còn nợ là 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng). Tại biên bản lấy lời khai ngày 06-7-2018, anh H trình bày trong quá trình vay, anh có đóng lãi được 04 tháng cho bà L nhưng không nhớ số tiền cụ thể bao nhiêu, Tòa án đã tiến hành phiên họp đối chất giữa bà L và anh H nhưng anh H không đến; ban hành Quyết định yêu cầu anh Hùng cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh lời khai đã góp tiền cho bà L nhưng anh H không cung cấp. Tại phiên tòa, chị L – đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thừa nhận anh H có trả cho bà L số tiền 4.500.000đ lãi suất. Do đó, Hội đồng xét xử xác nhận anh H, chị Nh có trả một phần tiền lãi là 4.500.000đ cho bà L.

Anh Nguyễn Văn H, chị Vương Kim N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo Điều 466 của Bộ luật Dân sự, không thực hiện đúng nghĩa vụ của mình là trả lãi và vốn đối với số tiền vay khi đến hạn. Việc vi phạm này đã ít nhiều làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải

thanh toán số tiền vay 30.000.000đ là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp với pháp luật.

Về lãi suất: Theo quy định tại Điều 357, và Điều 468 của Bộ luật Dân sự, khi đến hạn anh H và chị N chưa trả tiền cho bà L theo thỏa thuận thì phải trả lãi trên nợ gốc và lãi nợ quá hạn. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán tiền lãi suất theo quy định của pháp luật từ ngày 25-02-2017 Âm lịch (nhằm ngày 22-3-2017) đến khi xét xử (ngày 20-11-2018) là 20 tháng. Yêu cầu này của bà L là hợp lý, đúng quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Lãi suất anh H và chị N phải trả cho bà L cụ thể:

- Trong hạn: $30.000.000đ \times 1.66\% \times 01 \text{ tháng} = 498.000đ$

- Quá hạn: $30.000.000đ \times 2.5\% \times 19 \text{ tháng} = 14.250.000đ$

Khấu trừ vào số tiền lãi đã đóng cho bà L là 4.500.000đ. Như vậy, anh H và chị N có trách nhiệm trả cho bà L số tiền vay vốn là 30.000.000đ và số tiền lãi là 10.248.000đ, tổng cộng là 40.248.000đ (Bốn mươi triệu hai trăm bốn mươi tám ngàn đồng)

[3] Về tranh chấp hợp đồng góp hui:

Trong quá trình tố tụng, anh H thừa nhận có tham gia các dây hui do bà L là chủ, đã hót hui và tổng kết lại còn nợ bà L số tiền 230.000.000đ (Hai trăm ba mươi triệu đồng). Anh H thừa nhận có viết và cùng vợ là chị N cùng ký tên xác nhận vào tờ nhận nợ ngày 24-02-2017 (Âm lịch). Anh H cũng xác nhận, tên Nguyễn Văn K trong tờ nhận nợ là tên của anh vì anh có tên thường gọi là K. Hợp đồng góp hui giữa bà L, anh H và chị N là đúng quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội phù hợp với Điều 471 của Bộ luật Dân sự.

Xét về mối quan hệ tranh chấp trên, hội đồng xét xử nhận thấy: Tại biên bản lấy lời khai ngày 06-7-2018, anh H trình bày, anh có góp trả cho bà L một số tiền nhưng không nhớ cụ thể bao nhiêu, Tòa án đã tiến hành phiên họp đối chất giữa bà L và anh H nhưng anh H không đến; ban hành Quyết định yêu cầu anh H cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh lời khai đã góp tiền cho bà L nhưng anh H không cung cấp. Tại biên bản lấy lời khai ngày 08-8-2018, bà Liên không thừa nhận việc anh H có góp tiền trả cho bà, nên lời trình bày của anh H không có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận. Do đó, buộc anh H, chị N phải thanh toán cho bà L số tiền này là phù hợp.

Về lãi suất: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán tiền lãi suất theo quy định của pháp luật từ ngày 24-02-2017 Âm lịch (nhằm ngày 21-3-2017) đến khi xét xử (ngày 20-11-2018) là 20 tháng. Yêu cầu này của bà Liên là hợp lý, đúng quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Lãi suất anh H và chị N phải trả cho bà L là $230.000.000đ \times 0.83\% \times 20 \text{ tháng} = 38.180.000đ$, khấu trừ vào số tiền 3.000.000đ đã trả cho bà L, còn lại số tiền lãi suất là 35.180.000đ (Ba mươi lăm triệu một trăm tám mươi ngàn đồng).

Như vậy, anh H và chị N có trách nhiệm trả cho bà L số tiền nợ hui vốn là 230.000.000đ và số tiền lãi là 35.180.000đ, tổng cộng là 265.180.000đ (Hai trăm sáu mươi lăm triệu một trăm tám mươi ngàn đồng)

[4] *Về án phí sơ thẩm*: Căn cứ vào quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Bị đơn phải chịu án phí đối với khoản tiền phải thanh toán cho nguyên đơn là $305.428.000đ \times 5\% = 15.271.400đ$ (Mười lăm triệu hai trăm bảy mươi một ngàn bốn trăm đồng).

[5] *Quyền kháng cáo*: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 471 của Bộ luật dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị L. Buộc anh Nguyễn Văn H (K), chị Vương Kim N phải thanh toán cho bà Đặng Thị L số tiền 305.428.000đ (Ba trăm lẻ năm triệu bốn trăm hai mươi tám ngàn đồng), trong đó số tiền vốn vay là 30.000.000đ, tiền nợ hui là 230.000.000đ và lãi suất vay tính đến ngày 20-11-2018 là 10.248.000đ, tiền lãi hui tính đến ngày 20-11-2018 là 35.180.000đ.

2. *Về án phí sơ thẩm*: Anh Nguyễn Văn H, chị Vương Kim N phải chịu 15.271.400đ (Mười lăm triệu hai trăm bảy mươi một ngàn bốn trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

3. *Về nghĩa vụ thi hành án*:

- Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

4. *Quyền kháng cáo*: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 20-11-2018), đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc được bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang;
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ và thi hành án Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Giao